

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ SƠN HÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 56

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa; Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió; Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62 65 65 66
- Fax : (024) 62 65 65 88

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập

Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vinh Sơn

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0605/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 56, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.746.403.585.681	7.910.907.697.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	142.040.281.506	148.868.289.660
1. Tiền	111		142.040.281.506	148.868.289.660
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		525.673.381.462	409.813.153.731
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	525.673.381.462	409.813.153.731
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.997.672.848.161	5.862.732.501.086
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.332.697.240.592	5.206.461.686.087
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	352.494.364.203	314.201.426.172
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	342.892.698.644	372.327.301.548
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(30.652.269.138)	(30.682.269.138)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		240.813.860	424.356.417
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.816.471.705.296	1.257.944.188.540
1. Hàng tồn kho	141		1.824.317.184.055	1.265.108.276.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(7.845.478.759)	(7.164.087.967)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		264.545.369.256	231.549.564.186
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	28.720.925.931	25.956.399.743
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		202.123.511.370	170.403.455.559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.19	1.701.019.356	961.227.891
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	31.999.912.599	34.228.480.993

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.482.673.187.822	2.390.467.337.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.660.148.329	13.038.061.214
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	12.455.550.562	13.833.463.447
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	V.6	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		1.399.454.610.389	1.425.429.203.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	741.663.375.900	731.677.842.608
- Nguyên giá	222		1.628.204.293.906	1.549.614.306.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(886.540.918.006)	(817.936.463.557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	190.403.328.553	218.000.495.126
- Nguyên giá	225		223.879.271.294	269.512.214.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.475.942.741)	(51.511.719.344)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	467.387.905.936	475.750.865.369
- Nguyên giá	228		503.810.588.360	503.498.868.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.422.682.424)	(27.748.003.586)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		805.312.648.312	692.977.635.380
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.13	805.312.648.312	692.977.635.380
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		195.913.930.375	191.899.819.508
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	179.007.967.654	179.376.432.538
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2c	(34.115.778.616)	(34.115.778.616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	16.905.962.721	12.523.386.970
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		70.331.850.417	67.122.618.379
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	69.553.954.735	65.988.164.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.15	777.895.682	1.134.453.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		10.229.076.773.503	10.301.375.034.787

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.032.852.360.624	8.125.638.648.176
I. Nợ ngắn hạn	310		7.137.354.799.749	7.128.718.106.545
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	1.199.079.973.956	2.005.662.527.504
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	204.346.794.349	72.909.178.558
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.18	40.413.523.537	43.330.535.707
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.19	21.825.919.942	50.802.477.737
5. Phải trả người lao động	315		31.721.179.435	43.475.004.109
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	14.910.351.943	11.822.187.097
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		4.442.230	6.219.106
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21a	587.420.783.270	792.932.213.279
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.22a	5.031.647.974.368	4.101.557.554.336
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		2.470.231.436	2.629.983.829
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.513.625.283	3.590.225.283
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		895.497.560.875	996.920.541.631
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338	V.21b	292.829.574.435	316.331.047.592
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.22b	601.753.281.363	679.674.788.962
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		914.705.077	914.705.077
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	2.196.224.412.879	2.175.736.386.611
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		88.943.640.000	88.943.640.000
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.090.970.822)	(1.381.614.191)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.283.766.449	36.594.602.347
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		268.432.956	268.432.956
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		110.335.189.466	95.182.015.069
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		98.912.615.537	95.182.015.069
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		11.422.573.929	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		310.893.490.450	305.538.446.050
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.229.076.773.503	10.301.375.034.787

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.478.562.159.504	4.903.272.103.135
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	137.071.949.632	104.625.827.568
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.341.490.209.872	4.798.646.275.567
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.830.938.716.843	4.327.665.800.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		510.551.493.029	470.980.475.375
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	22.375.174.612	37.587.361.896
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	216.175.710.760	185.459.727.009
Trong đó: chi phí đi vay	24		180.490.482.056	140.475.725.788
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	179.245.967.505	178.919.860.934
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	93.674.622.454	79.181.910.073
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		990.852.816	(417.123.236)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.821.219.738	64.589.216.019
13. Thu nhập khác	31		1.085.261.911	2.817.669.525
14. Chi phí khác	32		864.530.538	7.310.727.987
15. Lợi nhuận khác	40		220.731.373	(4.493.058.462)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.041.951.111	60.096.157.557
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	14.099.730.382	16.320.535.352
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.942.220.729	43.775.622.205
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.422.573.929	27.200.455.304
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.519.646.800	16.575.166.901
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	67	160
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	67	160

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.041.951.111	60.096.157.557
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		60.247.508.065	43.300.188.368
- Các khoản dự phòng	03		491.638.399	483.553.260
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	2.710.965.658	14.701.172.140
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(11.741.326.049)	(22.669.778.784)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	180.490.482.056	140.475.725.788
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		277.241.219.240	236.387.018.329
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		885.698.374.245	421.800.869.839
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(559.208.907.548)	(114.545.565.866)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(914.049.807.863)	(1.209.362.403.055)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(7.991.993.114)	6.207.473.229
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(179.988.667.167)	(140.957.045.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(43.545.925.010)	(44.337.495.373)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(76.600.000)	(365.019.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(541.922.307.217)	(845.172.168.110)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(175.017.640.811)	(135.203.808.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(162.800.843.796)	(47.587.041.003)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.740.458.354	206.809.268.925
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.568.055.193	13.256.493.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(284.509.971.060)	39.274.912.923

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	2.222.750.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	6.006.811.296.147	5.433.647.258.561
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(5.153.762.010.357)	(4.572.148.274.177)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(20.621.148.517)	(20.774.204.771)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.880.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		819.770.887.273	840.724.779.613
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.661.391.004)	34.827.524.426
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	148.868.289.660	67.174.046.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(166.617.150)	(89.192.072)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	142.040.281.506	101.912.378.694

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa; cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió; khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch; đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 17 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Hoán đổi công ty con

Căn cứ Nghị quyết số 01c/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHI ngày 25/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-SHI ngày 17/11/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty mẹ đã ký kết Hợp đồng số 01/2026/HĐ/SHI-SHE ngày 24/02/2026 với Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (SHE)/Công ty con cấp 1 về việc phát hành cổ phiếu hoán đổi. Theo đó, Công ty mẹ chuyển quyền sở hữu toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP)/Công ty con cấp 1 để nhận 50.050.763 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu do SHE phát hành riêng lẻ cho Công ty mẹ. Sau giao dịch hoán đổi, SSP từ Công ty con cấp 1 trở thành Công ty con cấp 2 của Tập đoàn. Ngày 24 tháng 02 năm 2026, SHE đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ phần vốn tại SSP của Công ty mẹ.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	54,26%	54,26%	54,26%	54,26%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	88,59%	50,38%	88,59%	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%	85%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,51%	52,51%	52,51%	52,51%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	Dịch vụ Logistic	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	100%	100%	100%	100%
Sonha India International Private Limited	11 O' Shaughnessy road, Global Tech Park Lanford, Museum Road, Bangalore, Bangalore North, Karnataka, India, 560025	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	60%	60%	60%	60%

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	88,59%	100%	88,59%	100%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	72,86%	72,86%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07-CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	72,49%	72,49%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng	74,34%	74,34%	74,34%	74,34%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh (*)	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	gia dụng và công nghiệp Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36,97%	36,97%	51%	51%

(*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty con này vẫn đang trong quá trình làm thủ tục đóng cửa giải thể.

5c. *Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam (*)	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	30%	30%	30%

(*) Tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam là 100% do các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.

6. **Số lượng người lao động**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 1.721 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 1.677 nhân viên).

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "SHI" theo Quyết định số 171/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30 tháng 12 năm 2009. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 170.268.409 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 36 tháng).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Tập đoàn tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ 20 – 50 năm). Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	17.807.754.446	12.200.626.744
Tiền gửi không kỳ hạn	124.226.546.430	136.663.841.366
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	67.903.545.770	76.854.257.697
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	250.651.285	14.057.585.669
Các ngân hàng, tổ chức khác	56.072.349.375	45.751.998.000
Tiền đang chuyển	5.980.630	3.821.550
Cộng	142.040.281.506	148.868.289.660

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	517.643.964.522	-	404.583.579.080	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	55.535.814.804	-	24.042.998.983	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	58.858.098.210	-	45.168.090.099	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	61.500.000.000	-	-	-
Các ngân hàng, tổ chức khác	341.750.051.508	-	335.372.489.998	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.029.416.940	-	5.229.574.651	-
Cộng	525.673.381.462	-	409.813.153.731	-

Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	4.025.000.000	-	25.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam	25.000.000	-	25.000.000	-
Cho vay - Ông Trần Việt Dũng ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	33.432.739	-	856.986	-
Lãi cho vay ⁽ⁱⁱ⁾	2.847.529.982	-	2.497.529.984	-
Cộng	16.905.962.721	-	12.523.386.970	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 -24 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất 0,9%-7,2%/năm. Một số Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị sổ sách là 516.097.246.167 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (Xem Thuyết minh số V.22).
- (ii) Khoản cho ông Trần Việt Dũng vay tín chấp theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐCV/LOG-2023 ngày 02/01/2023 của Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng vốn của cá nhân ông Dũng, lãi suất 7%/năm, thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2033, lãi trả một lần khi tắt toán khoản vay.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

Tập đoàn chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị có thể thu hồi.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	3.890.693.769	16.149.725.619	12.259.031.850	4.160.966.975	16.419.998.825
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	(11.745.261)	44.988.254.739	45.000.000.000	41.586.541	45.041.586.541
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	11.492.987	60.011.492.987	60.000.000.000	5.058.969	60.005.058.969
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(641.505.691)	44.358.494.309	45.000.000.000	(590.211.797)	44.409.788.203
Cộng	175.759.031.850	3.248.935.804	179.007.967.654	175.759.031.850	3.617.400.688	179.376.432.538

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức được chia trong kỳ	Giảm do công ty liên kết trích lập quỹ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	16.419.998.825	1.995.404.732	(1.359.317.700)	(906.360.238)	16.149.725.619
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản Sơn Hà	45.041.586.541	(53.331.802)	-	-	44.988.254.739
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	60.005.058.969	6.434.018	-	-	60.011.492.987
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	44.409.788.203	(51.293.894)	-	-	44.358.494.309
Cộng	179.376.432.538	1.897.213.054	(1.359.317.700)	(906.360.238)	179.007.967.654

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty TNHH Bất động sản Havico	2.710.000.000	(2.710.000.000)	2.710.000.000	(2.710.000.000)
Cộng	34.115.778.616	(34.115.778.616)	34.115.778.616	(34.115.778.616)

Giá trị có thể thu hồi

Tập đoàn chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	34.115.778.616	31.405.778.616
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.710.000.000
Số cuối kỳ	34.115.778.616	34.115.778.616

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	11.346.988.604	-	12.893.902.880	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	9.015.870.027	-	7.924.571.286	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.270.000.306	-	3.780.271.466	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	416.840.271	-	418.104.709	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	-	-	126.677.419	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	-	644.278.000	-
Phải thu các khách hàng khác	4.321.350.251.988 (21.109.941.645)	-	5.193.567.783.207 (21.139.941.645)	-
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	314.510.999.556	-	595.598.435.754	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	556.262.123.341	-	825.244.292.244	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	965.471.825.358	-	939.701.064.681	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	727.882.141.611	-	834.618.913.853	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	648.766.524.709	-	813.792.498.792	-
Các khách hàng khác	1.108.456.637.413 (21.109.941.645)		1.184.612.577.883 (21.139.941.645)	
Cộng	4.332.697.240.592 (21.109.941.645)		5.206.461.686.087 (21.139.941.645)	

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ⁽ⁱ⁾	175.405.649.343	175.912.681.623
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An ⁽ⁱ⁾	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long ⁽ⁱ⁾	17.732.200.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM ⁽ⁱ⁾	31.344.061.821	17.907.345.834
Các nhà cung cấp khác	81.212.453.039	56.081.398.715
Cộng	352.494.364.203	314.201.426.172

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	286.091.685.686	269.288.257.372
---	-----------------	-----------------

- (i) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2 (xem thuyết minh số V.13), bao gồm:

Nhà cung cấp	Ngày hợp đồng	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện (*)	Khối lượng đã thực hiện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	06/01/2022	Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp	625,2 tỷ VND	365 ngày	92 tỷ VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	10/01/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	108,8 tỷ VND	365 ngày	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Thăng Long	28/12/2022	Thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy	77,5 tỷ VND	24 tháng	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM	28/12/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch	55,1 tỷ VND	24 tháng	16,1 tỷ VND
	19/01/2026	Thi công trạm xử lý nước thải 3873m2/ngày đêm giai đoạn 2-Khu công nghiệp Tam Dương	25 tỷ VND	350 ngày	-

(*) Thời gian thực hiện này được tính kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	122.365.009	-	122.365.009	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	2.694.750	-	2.694.750	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	69.211.259	-	69.211.259	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	342.753.434.952	(8.240.940.493)	372.204.936.539	(8.240.940.493)
Tạm ứng	133.811.900.019	-	159.071.969.950	-
Ông Hồ Văn Việt	20.319.551.422	-	21.503.563.422	-
- Tạm ứng Dự án Tam Dương				
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	19.901.012.429	-	15.951.012.429	-
- Tạm ứng Dự án Tam Dương				
Ông Phạm Văn Anh	8.183.557.138	-	16.033.557.138	-
- Tạm ứng tìm kiếm thị trường				
Ông Đỗ Văn Ban	11.634.279.000	-	15.134.279.000	-
- Tạm ứng tìm kiếm thị trường				
Ông Trần Đức Thành	10.944.226.009	-	15.237.226.009	-
- Tạm ứng kinh doanh				
Bà Lê Thùy Dung – Tạm ứng kinh doanh Bất động sản	12.100.000.000	-	5.050.000.000	-
Các cá nhân khác	50.729.274.021	-	70.162.331.952	-
Ký cược, ký quỹ ⁽ⁱ⁾	22.443.348.429	-	40.425.607.240	-
Ký quỹ mở Hợp đồng tín dụng, LC	12.454.687.275	-	30.379.764.928	-
Ký quỹ thuê tài chính	7.719.732.553	-	9.451.878.503	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	2.268.928.601	-	593.963.809	-
Lãi phải thu các nhà cung cấp ⁽ⁱⁱ⁾	14.126.176.924	-	19.967.831.719	-
Phải thu về tiền đã nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	167.638.908.263	(3.490.940.493)	147.989.527.630	(3.490.940.493)
Cộng	342.892.698.644	(8.240.940.493)	372.327.301.548	(8.240.940.493)

(i) Một số khoản ký quỹ có tổng giá trị cuối kỳ 20.174.419.828 VND (số đầu năm: 39.831.643.431 VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ thuê tài chính của Tập đoàn (Xem Thuyết minh số V.22).

(ii) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (“Minh Ngọc”) và Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An theo các Biên bản thỏa thuận liên quan đến khoản trả lãi cho các khoản tạm ứng của Công ty và các nhà cung cấp này do chưa tiến hành thi công và thực hiện công việc theo thời gian thực hiện trong các Hợp đồng thi công đã ký, lãi suất 9,5%/năm. Trong kỳ, Công ty và Minh Ngọc thống nhất không tính lãi phát sinh nữa do Hợp đồng thi công đang được thực hiện và nghiệm thu từng phần (xem thuyết minh số V.4).

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ký cược, ký quỹ	11.660.148.329	-	13.038.061.214	-
Ký quỹ thuê tài chính	10.769.295.907	-	10.382.244.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Ký cược, ký quỹ khác</i>	890.852.422	-	2.655.817.214	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	12.455.550.562	(795.402.233)	13.833.463.447	(795.402.233)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>21.326.302.826</i>	<i>(21.109.941.645)</i>	<i>21.356.302.826</i>	<i>(21.139.941.645)</i>
Công ty TNHH Xe máy xe điện Nam Tiến Phát	3.540.903.520	(3.540.903.520)	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	4.315.142.584	(4.315.142.584)	4.315.142.584	(4.315.142.584)
Các khách hàng khác	13.470.256.722	(13.253.895.541)	13.500.256.722	(13.283.895.541)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>8.255.352.767</i>	<i>(8.240.940.493)</i>	<i>8.255.352.767</i>	<i>(8.240.940.493)</i>
Phải thu tiền đã nộp Ngân sách Thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.505.352.767	(3.490.940.493)	3.505.352.767	(3.490.940.493)
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>795.402.233</i>	<i>(795.402.233)</i>	<i>795.402.233</i>	<i>(795.402.233)</i>
- Ông Lê Trần Trọng Thái				
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>1.301.387.000</i>	<i>(1.301.387.000)</i>	<i>1.301.387.000</i>	<i>(1.301.387.000)</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cosmos	559.120.000	(559.120.000)	559.120.000	(559.120.000)
Foshan Shunde Keyalijian Forging Machine Co.,Ltd	327.033.036	(327.033.036)	327.033.036	(327.033.036)
Các nhà cung cấp khác	415.233.964	(415.233.964)	415.233.964	(415.233.964)
Cộng	31.678.444.826	(31.447.671.371)	31.708.444.826	(31.477.671.371)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	30.682.269.138	795.402.233	31.477.671.371
Hoàn nhập dự phòng	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Số cuối kỳ	30.652.269.138	795.402.233	31.447.671.371

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường (*)	397.332.357.387	-	20.327.248.945	-
Nguyên liệu, vật liệu	708.047.741.632	(4.630.670.803)	631.213.495.041	(3.949.280.011)
Công cụ, dụng cụ	12.542.639.667	-	27.978.399.386	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.820.327.505	-	4.770.849.404	-
Sản phẩm	258.798.942.579	(3.152.719.689)	209.339.882.774	(3.152.719.689)
Hàng hóa	444.739.470.632	(62.088.267)	371.407.059.290	(62.088.267)
Hàng gửi đi bán	35.704.653	-	71.341.667	-
Cộng	1.824.317.184.055	(7.845.478.759)	1.265.108.276.507	(7.164.087.967)

(*) Là giá trị hàng mua nhập khẩu đã nhập kho trong tháng 7 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ của các Ngân hàng (Xem Thuyết minh V.22) như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	214.900.154.087	170.321.003.545
Công cụ, dụng cụ	6.779.644.954	6.743.175.650
Sản phẩm	217.006.703.872	173.493.925.111
Hàng hóa	436.576.593.439	376.553.210.815
Cộng	875.263.096.352	727.111.315.121

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.164.087.967	1.452.748.135
Trích lập dự phòng bổ sung	681.390.792	1.089.700.790
Số cuối kỳ	7.845.478.759	2.542.448.925

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	696.686.665	1.296.964.993
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	16.004.862.325	16.098.138.435
Chi phí bản quyền phần mềm	572.864.952	964.591.333
Các chi phí khác	11.446.511.989	7.596.704.982
Cộng	28.720.925.931	25.956.399.743

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.730.707.154	9.974.665.599
Chi phí thuê đất (*)	41.852.131.376	42.798.284.636
Chi phí sửa chữa	5.614.689.894	2.919.685.405
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	2.972.335.016	3.076.627.478
Các chi phí khác	8.384.091.295	7.218.901.458
Cộng	69.553.954.735	65.988.164.576

(*) Chi phí thuê đất gắn với cơ sở hạ tầng và dịch vụ quản lý tại Khu công nghiệp Thuận Thành II của Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh mục đích xây dựng, vận hành nhà xưởng sản xuất kinh doanh, diện tích thuê 39.402 m², đơn giá thuê 1.006.940 VND/m², thời hạn thuê đến hết ngày 07/10/2058.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng (*)	31.905.311.467	34.167.494.988
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.552.412.752	23.536.024.718
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.152.898.715	5.431.470.270
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.200.000.000	5.200.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	94.601.132	60.986.005
Cộng	31.999.912.599	34.228.480.993

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 - 03 tháng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	593.795.633.223	734.833.237.912	201.532.645.593	19.092.364.024	360.425.413	1.549.614.306.165
Mua trong kỳ	-	4.437.259.667	3.123.344.000	129.674.991	-	7.690.278.658
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	70.899.709.083	-	-	-	70.899.709.083
Số cuối kỳ	593.795.633.223	810.170.206.662	204.655.989.593	19.222.039.015	360.425.413	1.628.204.293.906
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.171.156.124	203.408.917.734	60.417.393.778	12.970.619.497	-	297.968.087.133
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	176.140.396.726	481.841.480.559	143.671.878.632	16.256.426.616	26.281.024	817.936.463.557
Khấu hao trong kỳ	12.982.352.838	17.254.688.803	5.630.967.658	618.666.646	22.526.592	36.509.202.537
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	32.095.251.912	-	-	-	32.095.251.912
Số cuối kỳ	189.122.749.564	531.191.421.274	149.302.846.290	16.875.093.262	48.807.616	886.540.918.006
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	417.655.236.497	252.991.757.353	57.860.766.961	2.835.937.408	334.144.389	731.677.842.608
Số cuối kỳ	404.672.883.659	278.978.785.388	55.353.143.303	2.346.945.753	311.617.797	741.663.375.900
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình nào có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 436.667.566.335 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	247.683.329.698	21.828.884.772	269.512.214.470
Thuê tài chính trong kỳ	16.774.926.667	8.468.972.381	25.243.899.048
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(70.876.842.224)	-	(70.876.842.224)
Số cuối kỳ	193.581.414.141	30.297.857.153	223.879.271.294
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	44.616.583.961	6.895.135.383	51.511.719.344
Khấu hao trong kỳ	12.796.526.006	1.262.949.303	14.059.475.309
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(32.095.251.912)	-	(32.095.251.912)
Số cuối kỳ	25.317.858.055	8.158.084.686	33.475.942.741
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	203.066.745.737	14.933.749.389	218.000.495.126
Số cuối kỳ	168.263.556.086	22.139.772.467	190.403.328.553

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định thuê tài chính không có tài sản nào đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định thuê tài chính trở lên.

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	461.163.110.872	42.335.758.083	503.498.868.955
Mua trong kỳ	-	311.719.405	311.719.405
Số cuối kỳ	461.163.110.872	42.647.477.488	503.810.588.360
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	231.401.690	6.403.501.889	6.634.903.579
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.625.622.409	11.122.381.177	27.748.003.586
Khấu hao trong kỳ	7.647.207.480	1.027.471.358	8.674.678.838
Số cuối kỳ	24.272.829.889	12.149.852.535	36.422.682.424
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	444.537.488.463	31.213.376.906	475.750.865.369
Số cuối kỳ	436.890.280.983	30.497.624.953	467.387.905.936
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tổng diện tích 40.417,2m ² có thời hạn tại Bàu Bàng, phường Long Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh	407.493.051.881	(17.500.796.686)	389.992.255.195
Các tài sản cố định vô hình khác	96.317.536.479	(18.921.885.738)	77.395.650.741
Cộng	503.810.588.360	(36.422.682.424)	467.387.905.936

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 427.847.994.547 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem Thuyết minh V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	<i>380.659.254</i>	<i>3.733.344.000</i>	<i>(3.881.374.300)</i>	<i>232.628.954</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>692.596.976.126</i>	<i>118.353.587.482</i>	-	<i>805.080.019.358</i>
Dự án Khu công nghiệp Tam Dương ⁽ⁱ⁾	609.779.878.603	107.097.382.607	-	716.877.261.210
Các dự án, công trình khác ⁽ⁱⁱ⁾	82.817.097.523	5.385.660.625	-	88.202.758.148
Cộng	692.977.635.380	122.086.931.482	(3.881.374.300)	805.312.648.312

⁽ⁱ⁾ Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ngày 10/3/2021.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép xây dựng và được giao đất theo hai đợt. Trong đó, đợt 1 với diện tích 812.425 m² ngày 27/4/2023, đợt 2 với diện tích 224.093,2 m² ngày 30/6/2025.

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 03/11/2025, tổng mức đầu tư của Dự án được điều chỉnh từ 1.576,873 tỷ VND lên 2.250 tỷ VND. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, cấp điện, trạm xử lý nước thải...). Dự kiến chính thức bàn giao, đưa vào khai thác thương mại từng phần từ Quý III/2026.

⁽ⁱⁱ⁾ Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 43.472.484.018 VND để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22).

Lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản trong kỳ.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 17.607.826.576 VND (cùng kỳ năm trước là 28.384.016.665 VND).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2021	51.873.368.543
Năm 2022	80.680.739.448
Năm 2023	103.480.830.453
Năm 2024	72.559.210.712
Năm 2025	70.423.547.640
Cộng	379.017.696.796

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025, Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ, trường hợp doanh nghiệp có quan hệ liên kết và giao dịch liên kết từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

15. Lợi thế thương mại

Là lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.134.453.803	1.847.570.043
Số phân bổ trong kỳ	(356.558.121)	(356.558.121)
Số cuối kỳ	777.895.682	1.491.011.922

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	30.573.439	164.894.529
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	164.894.529
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.199.049.400.517	2.005.497.632.975
Công ty TNHH Xuất nhập Khẩu Inox Minh Phú	152.014.813.959	353.094.817.877
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	184.843.041.633	403.849.851.706
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	84.315.890.992	293.525.072.526
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	121.277.603.170	299.718.718.514
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	117.174.561.902	376.757.668.689
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim loại Tân Việt	98.980.532.673	49.748.413.777
Hong Kong Rui Pu Co., Limited	139.423.166.482	10.445.292
Các nhà cung cấp khác	301.019.789.706	228.792.644.594
Cộng	1.199.079.973.956	2.005.662.527.504
Trong đó:		
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.759.736.123	7.028.410.306

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác ứng trước tiền thuê Dự án Tam Dương	95.269.185.462	-
Công ty Cổ phần Semind	25.052.000.000	-
Công ty Cổ phần Vistafa	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp T&T-Tech	33.256.748.952	-
Các khách hàng khác	11.960.436.510	-
Công ty Cổ phần Castrol Gogoro Mobility	22.449.730.828	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa		
Các khách hàng khác	86.627.878.059	72.909.178.558
Cộng	204.346.794.349	72.909.178.558

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ đông Công ty mẹ	52.989.600	52.989.600
Cổ đông không kiểm soát – Công ty Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	37.086.265.011	41.612.749.797
Cổ đông không kiểm soát – Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	2.836.228.110	1.664.796.310
Cổ đông không kiểm soát – Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	438.040.816	-
Cộng	40.413.523.537	43.330.535.707
<i>Trong đó:</i>		
<i>Cổ tức đã quá hạn thanh toán</i>	<i>28.450.535.707</i>	<i>47.008.994.994</i>

Cổ tức đã quá thời hạn mà chưa thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cổ tức quá hạn thanh toán bao gồm 52.989.600 VND tại Công ty mẹ, chưa thanh toán do một số cổ đông chưa lưu ký và chưa có đầy đủ thông tin để thực hiện thanh toán; và 28.397.546.107 VND tại các công ty con, chưa thanh toán do các công ty con đang rà soát thông tin của các cổ đông. Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán khoản cổ tức này cho các cổ đông trong thời gian sớm nhất.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.153.596.795	28.725.477	157.492.277.073	(158.449.235.780)	5.196.638.088	28.725.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	51.472.160	10.249.490.408	(10.344.925.829)	-	146.907.581
Thuế xuất, nhập khẩu	-	77.128.567	4.519.822.240	(4.519.822.240)	-	77.128.567
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.424.216	-	-	(82.608.489)	-	4.184.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.168.463.980	726.741.767	14.099.730.382	(43.545.925.010)	13.281.010.167	1.285.482.581
Thuế thu nhập cá nhân	986.211.871	48.548.625	2.578.966.710	(2.523.968.815)	1.094.976.195	102.315.053
Thuế tài nguyên	353.091.600	-	2.115.011.685	(2.109.167.550)	358.935.735	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	28.611.295	403.379.202	-	374.767.907	-
Phí bảo vệ môi trường	95.975.876	-	1.694.144.212	(1.491.562.457)	298.557.631	-
Các loại thuế khác	966.713.399	-	412.365.761	(214.320.765)	1.221.034.219	56.275.824
Cộng	50.802.477.737	961.227.891	193.565.187.673	(223.281.536.935)	21.825.919.942	1.701.019.356

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Nước thành phẩm	5%
- Hàng tiêu thụ khác trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội, cho diện tích 44.800 m² đất thuê tại Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đơn giá 45.020 VND/m².

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đi vay phải trả	4.867.723.005	4.365.908.116
Chi phí khuyến mại	2.837.306.870	3.248.562.238
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.205.322.068	4.207.716.743
Cộng	14.910.351.943	11.822.187.097

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	550.600.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	550.600.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	586.870.183.270	792.932.213.279
Tài sản thừa chờ giải quyết	552.373.392	273.636.628
Kinh phí công đoàn	2.243.401.172	2.165.179.885
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	976.110.511	189.180.513
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.140.600.232	1.866.765.512
Phải trả Ngân hàng về LC (*)	532.196.412.044	739.553.087.241
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	332.929.216.441	128.604.380.174
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	358.109.866.651
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	109.058.054.456	252.838.840.416
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á	90.209.141.147	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	47.761.285.919	48.884.363.500
Cộng	587.420.783.270	792.932.213.279

(*) Các khoản phải trả các ngân hàng về LC Upas, LC nội địa, bao thanh toán theo các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng, thời hạn thanh toán không quá 12 tháng. Sau thời hạn trên nếu không thanh toán, khoản phải trả được chuyển thành khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản nhận đặt cọc của các tổ chức, cá nhân để thuê lại quyền sử dụng đất gắn liền cơ sở hạ tầng thuộc Dự án Tam Dương. Cụ thể:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đặt cọc dự án Tam Dương (*)	292.824.574.435	316.326.047.592
Công ty Cổ phần Vật liệu nhựa FO	76.260.960.000	76.260.960.000
Công ty Cổ phần PMT.P&E	44.577.000.000	44.577.000.000
Công ty TNHH Jahwa Vina	102.509.230.272	102.509.230.272
Công ty Cổ phần Đóng gói Xanh Packuni Vina	39.095.160.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	13.268.334.061	92.978.857.320
Các khoản đặt cọc khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	292.829.574.435	316.331.047.592

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.851.386.902.942	4.001.233.874.279
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.214.138.497.492	1.741.877.327.739
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	239.886.164.843	89.376.761.945
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	112.796.249.424	293.741.568.566
Ngân hàng TMCP Quân đội	747.551.794.425	712.112.083.036
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	56.905.955.940	58.060.149.374
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	289.234.465.096	102.449.559.696
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	168.746.312.182	133.540.728.774
Ngân hàng First Commercial Bank	203.769.832.632	180.375.991.072
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	99.485.952.675	108.614.909.945
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	169.155.858.655	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	166.820.890.043	146.218.078.381
Ngân hàng TMCP An Bình	-	99.771.737.628
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	106.009.429.092	146.486.165.848
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	3.000.000.000	88.605.283.031
Ngân hàng TMCP Bắc Á	195.186.506.837	70.055.863.144
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	78.698.993.606	29.947.666.100
Vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	12.383.860.278	12.611.732.612
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	125.435.111.983	44.734.919.853
Vay dài hạn các tổ chức khác đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.22b)	7.652.600.000	7.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	34.789.499.165	35.977.027.592
Cộng	5.031.647.974.368	4.101.557.554.336

Các khoản vay ngắn hạn mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Tập đoàn và tài sản của Ban lãnh đạo Công ty. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng/TCTD</i>	<i>Các công ty vay</i>	<i>Tổng hạn mức</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty mẹ; Công ty CP Tổng Công ty Toàn Mỹ; Công ty CP Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP; Công ty CP Sơn Hà Nghệ An; Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung; Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	2.395 tỷ VND	6 tháng – 12 tháng; một số khoản không quá 165 ngày hoặc đến 31/12/2026
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty mẹ; Công ty CP Sơn Hà Nghệ An; Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung	465 tỷ VND	Không quá 6–12 tháng
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	Công ty mẹ; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	5,5 triệu USD	Không quá 180 ngày/6 tháng
Ngân hàng First Commercial Bank	Công ty mẹ; Công ty CP Tổng Công ty Toàn Mỹ; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	130 tỷ VND + 4 triệu USD	6–12 tháng/180 ngày
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Công ty mẹ; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	250 tỷ VND	Không quá 6 tháng/6 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Công ty mẹ; Công ty CP Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	610 tỷ VND	6–12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ; Công ty CP Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP; Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	785 tỷ VND	6–12 tháng; một khoản đến 28/04/2027
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	200 tỷ VND	Không quá 180 ngày
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Công ty mẹ; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	200 tỷ VND	6–12 tháng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Công ty mẹ	30 tỷ VND	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty CP Tổng Công ty Toàn Mỹ; Công ty CP Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	185 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Công ty CP Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh; Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP; Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	358 tỷ VND	6–12 tháng
Ngân hàng TMCP Bắc Á	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	200 tỷ VND	6 tháng
Ngân hàng TMCP An Bình	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	150 tỷ VND	6 tháng
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	130 tỷ VND	12 tháng
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	Công ty CP Tổng Công ty Toàn Mỹ	20,790 tỷ VND	12 tháng

Thông tin bổ sung về khoảng lãi suất áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Khoảng lãi suất áp dụng</i>
Công ty mẹ	7% – 12%/năm
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	5,2% – 10,7%/năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	8,5% – 10,8%/năm
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	4,47% – 8,5%/năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	4,9% – 8,3%/năm
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung	7,7% – 8,3%/năm
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	4,6% – 7,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.001.233.874.279	5.958.151.249.639	-	1.924.960.713	(5.109.923.181.689)	4.851.386.902.942
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	12.611.732.612	10.272.960.000	-	-	(10.500.832.334)	12.383.860.278
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	44.734.919.853	-	106.628.138.464	-	(25.927.946.334)	125.435.111.983
Vay dài hạn các tổ chức khác đến hạn trả	7.000.000.000	-	4.152.600.000	-	(3.500.000.000)	7.652.600.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	35.977.027.592	-	19.377.301.752	-	(20.564.830.179)	34.789.499.165
Cộng	4.101.557.554.336	5.968.424.209.639	130.158.040.216	1.924.960.713	(5.170.416.790.536)	5.031.647.974.368

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	496.458.630.923	568.563.682.879
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.970.953.879	19.820.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	148.785.305.684	163.417.847.684
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	330.316.823.963	383.793.737.455
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	385.547.397	1.531.143.861
Vay dài hạn các tổ chức khác	45.434.447.062	46.317.497.062
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	42.717.497.062	46.317.497.062
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.716.950.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả	59.860.203.378	64.793.609.021
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	5.433.274.708	5.222.338.433
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	46.193.976.091	49.139.866.758
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	8.232.952.579	10.431.403.830
Cộng	601.753.281.363	679.674.788.962

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

- Các khoản vay tại Công ty mẹ (lãi suất từ 6,5%/năm - 11,5%/năm) để thực hiện các dự án, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng vay/Mục đích	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng ngày 08/04/2024, để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	1.056,41 tỷ VND	72 tháng
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Hợp đồng ngày 29/08/2017, để thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	100 tỷ VND	15 năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	Hợp đồng ngày 29/12/2017, để thanh toán các khoản chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, xã An Khánh, thành phố Hà Nội"	57,513 tỷ VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án	144 tháng
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	Hợp đồng ngày 30/09/2019, để thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao"	61,311 tỷ VND	138 tháng

- Các khoản vay dài hạn tại các công ty con (lãi suất từ 8,2%/năm- 12,5%/năm), chi tiết như sau:

Bên cho vay	Bên vay	Mục đích	Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Xây dựng nhà máy Toàn Mỹ Bà Bằng	230 tỷ VND	120 tháng, ân hạn 06 tháng	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Mua tài sản cố định	3,3 tỷ VND	72 tháng	Tiền cầm cố giá trị 331.560.000 VND; và 2 xe ô tô
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại - Giai đoạn 2	30 tỷ VND	72 tháng, ân hạn 06 tháng	Nhà xưởng hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp	9,975 tỷ VND	84 tháng	Quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà; máy móc thiết bị thuộc dự án
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP	Thanh toán chi phí triển khai phần mềm SAP	17,3 tỷ VND	48 tháng	Tài sản vô hình (phần mềm SAP)

Các khoản thuê tài chính tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ và Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP. Tài sản thuê tài chính chủ yếu là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải; thời hạn thuê 05 năm, lãi suất từ 6,9%/năm- 9,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng nợ
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	125.435.111.983	449.701.864.965	46.756.765.958	621.893.742.906
Vay dài hạn các tổ chức khác	7.652.600.000	44.973.947.062	460.500.000	53.087.047.062
Nợ thuê tài chính	34.789.499.165	59.860.203.378	-	94.649.702.543
Cộng	167.877.211.148	554.536.015.405	47.217.265.958	769.630.492.511

Số đầu năm

Vay dài hạn ngân hàng	44.734.919.853	511.726.916.921	56.836.765.958	613.298.602.732
Vay dài hạn các tổ chức khác	7.000.000.000	45.000.000.000	1.317.497.062	53.317.497.062
Nợ thuê tài chính	35.977.027.592	64.793.609.021	-	100.770.636.613
Cộng	87.711.947.445	621.520.525.942	58.154.263.020	767.386.736.407

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn Ngân hàng	568.563.682.879	38.387.086.508	(3.864.000.000)	(106.628.138.464)	496.458.630.923
Vay dài hạn các tổ chức khác	46.317.497.062	3.315.600.000	(46.050.000)	(4.152.600.000)	45.434.447.062
Nợ thuê tài chính dài hạn	64.793.609.021	14.500.214.447	(56.318.338)	(19.377.301.752)	59.860.203.378
Cộng	679.674.788.962	56.202.900.955	(3.966.368.338)	(130.158.040.216)	601.753.281.363

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính minh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước										
Số dư đầu năm	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(3.007.507.219)	39.045.868.278	268.432.956	145.903.688.700	283.106.017.230	2.102.297.644.325
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	27.200.455.304	16.575.166.901	43.775.622.205
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	371.714.829	-	(433.425.081)	(60.787.354)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(509.801.000)	-	(509.801.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(225.770.610)	(123.426.460)	(349.197.070)
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi	-	-	-	-	1.193.892.469	-	-	-	-	1.193.892.469
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	4.250.000.000	-	-	(602.491.592)	-	(3.647.508.408)	-	-
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức ở Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các cổ đông nộp tiền để đóng cửa Công ty con(*)	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.902.343.476)	(6.902.343.476)
Số dư cuối kỳ	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	71.559.880.000	(4.186.322.972)	(1.813.614.750)	38.815.091.515	268.432.956	168.287.638.905	294.172.055.929	2.140.960.748.935
Kỳ này										
Số dư đầu năm	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	88.943.640.000	(4.186.322.972)	(1.381.614.191)	36.594.602.347	268.432.956	95.182.015.069	305.538.446.050	2.175.736.386.611
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	11.422.573.929	19.519.646.800	30.942.220.729
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(510.600.000)	-	(510.600.000)
Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(403.487.413)	(90.512.587)	(494.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	290.643.369	-	-	-	-	290.643.369
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	2.222.750.000	2.222.750.000
Công ty con chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.860.947.014)	(11.962.987.830)
Công ty con tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	(102.040.816)	-
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty con	-	-	-	-	-	(310.835.898)	-	4.644.687.881	(4.333.851.983)	-
Số dư cuối kỳ	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	88.943.640.000	(4.186.322.972)	(1.090.970.822)	36.283.766.449	268.432.956	110.335.189.466	310.893.490.450	2.196.224.412.879

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	169.949.549	169.949.549

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/SHI ngày 24 tháng 4 năm 2026 như sau:

	VND
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	510.600.000

Trong kỳ, Các công ty con đã phân phối lợi nhuận sau thuế các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ ("TM1")

Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh ("SHB")

Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An ("SHV")

	TM1	SHB	SHV
• Chia cổ tức cho các cổ đông	40.353.515.214	46.970.000.000	16.800.000.000
• Thù lao HĐQT, BKS	120.000.000	40.000.000	40.000.000

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận kỳ này cho các cổ đông theo kế hoạch chia cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2026 và Nghị quyết HĐQT ngày 13 tháng 3 năm 2026 số tiền 5.102.040.816 VND.

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.411.827.200	1.411.827.200
Trên 1 năm đến 5 năm	8.067.584.000	8.067.584.000
Trên 5 năm	48.405.504.000	50.422.400.000
Cộng	57.884.915.200	59.901.811.200

Khoản thanh toán thuê hoạt động là tổng số tiền thuê tiền thuê 44.800m² đất tại Cụm công nghiệp Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội với giá thuê 45.020 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm kể từ ngày 14/07/2006.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Thuyết minh	Giá trị sổ sách	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.2a	512.072.246.167	328.595.145.626
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	V.2a	4.025.000.000	25.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	20.174.419.828	39.831.643.431
Phải thu dài hạn khác	V.5b	10.769.295.907	10.382.244.000
Hàng tồn kho	V.7	875.263.096.352	727.111.315.121
Tài sản ngắn hạn khác	V.9	31.905.311.467	34.167.494.988
Tài sản cố định hữu hình	V.10	436.667.566.335	448.420.590.716
Tài sản cố định vô hình	V.12	427.847.994.547	436.310.699.563
Xây dựng cơ bản dở dang	V.13	43.472.484.018	42.556.474.683
Cộng		2.362.197.414.621	2.067.400.608.128

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

24c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	26.014.426,89	136.827,68
Euro (EUR)	152,43	47,51
Rub Nga (RUB)	6.205,69	5.565,32
Kip Lao (LAK)	326.040.000	326.040.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.045.858.601.241	2.561.593.439.597
Doanh thu bán sản phẩm	2.408.673.426.758	2.317.083.782.105
Doanh thu cung cấp nước sạch thành phẩm	20.087.562.247	16.257.593.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.942.569.258	8.337.287.497
Cộng	5.478.562.159.504	4.903.272.103.135

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	132.441.137.369	103.149.179.681
Hàng bán bị trả lại	4.578.896.749	1.476.647.887
Giảm giá hàng bán	51.915.514	-
Cộng	137.071.949.632	104.625.827.568

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.786.615.209.227	2.246.924.069.146
Giá vốn của sản phẩm đã bán	2.023.256.537.209	2.057.387.195.940
Giá vốn nước thành phẩm	18.629.984.029	17.876.291.855
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.676.404.864	3.771.794.335
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	681.390.792	1.089.700.790
Cộng	4.830.938.716.843	4.327.665.800.192

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.009.897.891	12.457.219.512
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.274.355.189	10.994.026.951
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.245.450.109
Lãi phải thu từ thỏa thuận hợp đồng	1.740.575.342	11.048.458.532
Doanh thu tài chính khác	350.346.190	1.842.206.792
Cộng	22.375.174.612	37.587.361.896

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	180.490.482.056	140.475.725.788
Chiết khấu thanh toán cho người mua	16.080.064.849	11.177.374.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.892.365.633	15.143.855.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.710.965.658	15.946.622.249
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	2.710.000.000
Chi phí tài chính khác	1.832.564	6.149.307
Cộng	216.175.710.760	185.459.727.009

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	64.620.021.903	62.811.099.388
Chi phí vật liệu, bao bì	522.480.327	875.263.938
Chi phí dụng cụ, đồ dung	3.271.203.959	2.719.730.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.097.866.363	1.390.078.604
Chi phí bảo hành	1.386.100.809	5.756.622.357
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	8.076.293.518	10.185.603.913
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	50.349.644.219	48.073.026.672
Chi phí thuê kho	4.430.133.275	10.494.711.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.600.791.553	20.839.342.350
Các chi phí khác	14.891.431.579	15.774.381.758
Cộng	179.245.967.505	178.919.860.934

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	40.356.370.615	38.810.116.555
Chi phí vật liệu quản lý	220.671.345	147.409.041
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.302.601.507	1.594.810.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.125.356.355	4.903.239.328
Thuế, phí và lệ phí	13.610.914	143.964.960
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(30.000.000)	(3.271.149.239)
Lợi thế thương mại	356.558.121	356.558.121
Chi phí thanh toán, mở LC	19.152.903.277	4.347.776.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.266.835.947	22.479.470.742
Các chi phí khác	4.909.714.373	9.669.712.888
Cộng	93.674.622.454	79.181.910.073

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	11.422.573.929	27.200.455.304
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.422.573.929	27.200.455.304
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	169.949.549	169.949.549
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	67	160

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	2.786.615.209.227	2.246.924.069.146
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.807.297.424.857	1.889.302.415.658
Chi phí nhân công	166.149.650.066	137.968.465.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.890.949.944	43.193.929.493
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(30.000.000)	(3.271.149.239)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.439.459.067	269.253.300.110
Chi phí khác	66.159.021.076	43.958.234.085
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (sản phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang)	(47.662.407.435)	(41.561.693.209)
Cộng	5.103.859.306.802	4.585.767.571.199

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tập đoàn mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính số tiền là 17.815.814.447 VND (Cùng kỳ năm trước: 5.368.356.000 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các Thuyết minh số V.21a.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn (Chủ tịch HĐQT), bà Trần Kim Dung (Phó Chủ tịch HĐQT), ông Trần Đức Mậu, bà Nguyễn Thị Hằng và ông Trần Việt Dũng (các cá nhân có liên quan với bà Trần Kim Dung) đã sử dụng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác của cá nhân và một số bảo lãnh cá nhân của ông Lê Vĩnh Sơn để đảm bảo khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các Thuyết minh số V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	144.000.000	144.000.000
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên /PTGD thường trực	720.336.000	120.900.000	54.000.000	895.236.000
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên	438.850.000	52.550.000	37.500.000	528.900.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên (Đến ngày 25/4/2025)	-	-	17.100.000	17.100.000
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập (Đến ngày 30/6/2026)	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban điều hành					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	816.080.000	125.017.000		941.097.000
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	544.235.000	90.700.000	-	634.935.000
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	230.960.000	35.767.000	48.000.000	266.727.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	182.400.000	31.600.000	24.000.000	214.000.000
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	152.957.000	28.242.000	24.000.000	181.199.000
Cộng		3.085.818.000	484.776.000	510.600.000	4.081.194.000
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	144.000.000	144.000.000
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên /PTGD thường trực	726.550.000	120.700.000	54.000.000	901.250.000
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên	616.550.000	-	-	616.550.000
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	-	-	54.000.000	54.000.000
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	604.550.000	80.000.000	-	684.550.000
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	551.610.000	69.830.000	-	621.440.000
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	201.700.000	27.630.000	27.730.000	257.060.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	-	-	14.070.000	14.070.000
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	163.700.000	19.210.000	24.000.000	206.910.000
Cộng		2.864.660.000	317.370.000	479.800.000	3.661.830.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn
 Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà
 Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai
 Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lê Gia
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Du lịch Thanh Thủy
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cung ứng Nguồn nhân lực Thăng Long
 Công ty Cổ phần Sữa Ba Vì
 Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
 Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
 Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
 Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
 Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Hoàng Hà

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ

Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt

Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn

Cổ tức được chia

1.359.317.700

1.308.972.600

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

453.368.556

442.485.261

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai

Doanh thu bán hàng hóa

635.913.920

776.051.200

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Doanh thu bán hàng hóa

163.021.026.405

112.670.947.459

Giảm trừ doanh thu

7.541.394.667

4.357.681.388

Cam kết bảo lãnh từ các bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà và các cá nhân liên quan khác đã sử dụng tài sản và cổ phiếu SHI để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.3, V.5a và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp
- Lĩnh vực kinh doanh khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.319.039.420.676	2.914.558.966.539	107.891.822.657	5.341.490.209.872
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.319.039.420.676	2.914.558.966.539	107.891.822.657	5.341.490.209.872
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.204.983.072	325.982.560.940	14.363.949.017	510.551.493.029
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(272.920.589.959)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				237.630.903.070
Doanh thu hoạt động tài chính				22.375.174.612
Chi phí tài chính				(216.175.710.760)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				990.852.816
Thu nhập khác				1.085.261.911
Chi phí khác				(864.530.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.099.730.382)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30.942.220.729
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.882.982.318	173.134.658.493	-	175.017.640.811
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	4.866.471.898	54.966.652.865	414.383.302	60.247.508.065
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.022.778.807.651	2.745.151.322.069	30.716.145.847	4.798.646.275.567
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.022.778.807.651	2.745.151.322.069	30.716.145.847	4.798.646.275.567
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.044.734.287	422.274.901.112	1.660.839.976	470.980.475.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(258.101.771.007)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				212.878.704.368

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				37.587.361.896
Chi phí tài chính				(185.459.727.009)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(417.123.236)
Thu nhập khác				2.817.669.525
Chi phí khác				(7.310.727.987)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.320.535.352)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				43.775.622.205
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.881.440.640	122.322.367.813	-	135.203.808.453
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	8.495.794.597	34.804.393.771	-	43.300.188.368

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.104.847.215.180	6.852.232.875.740	106.752.527.897	10.063.832.618.817
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				165.244.154.686
Tổng tài sản				10.229.076.773.503
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.614.754.437.884	5.363.249.068.390	54.848.854.350	8.032.852.360.624
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				8.032.852.360.624
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.918.679.204.950	7.181.394.133.790	51.448.078.844	10.151.521.417.584
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				149.853.617.203
Tổng tài sản				10.301.375.034.787
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.434.702.358.699	5.661.748.389.583	29.187.899.894	8.125.638.648.176
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				8.125.638.648.176

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Tập đoàn không lập báo cáo bộ theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Tập đoàn áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	34.167.494.988	(34.167.494.988)	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	404.583.579.080	5.229.574.651	409.813.153.731	
Phải thu ngắn hạn khác	135	390.116.249.174	(17.788.947.626)	372.327.301.548	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	34.228.480.993	34.228.480.993	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	25.000.000	12.498.386.970	12.523.386.970	
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	43.330.535.707	43.330.535.707	
Phải trả ngắn hạn khác	320	836.262.748.986	(43.330.535.707)	792.932.213.279	(ii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ					
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	400.326.286.159	21.474.583.680	421.800.869.839	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.786.809.902	(35.612.763.562)	67.174.046.340	(i)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	116.050.558.576	(14.138.179.882)	101.912.378.694	

(i) Trình bày lại các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.

(ii) Trình bày lại các khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”.

(iii) Trình bày lại khoản phải trả về lợi nhuận cho chủ sở hữu từ chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải trả cổ tức, lợi nhuận”.

7. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.6 và V.3);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.7 và V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.10 và V.10).

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn